

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh;

Bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 90/2022/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Bản H, xã Bản Lang, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lừu Văn N, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lò Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lừu Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối, có đăng ký kết hôn ngày 12/02/2015, tại Ủy ban nhân dân xã Bản Lang, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vợ chồng chị T, anh Năm chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không chịu khó làm ăn, không giúp vợ chăm lo cho gia đình mà thường xuyên chơi

bời, uống rượu rồi chửi bới, đuổi chị T ra khỏi nhà. Thỉnh thoảng, anh N còn đánh chị T. Chị T và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Từ tháng 6/2022, chị T đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn Đ, thị trấn P. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh N nữa nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lừ Văn N có 02 con chung là cháu Lừ Thị Hương L, sinh ngày 22/4/2014 và cháu Lừ Bảo H, sinh ngày 11/9/2015. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với chị T và các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L và cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn là anh Lừ Văn N trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, anh N và chị T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của chị T. Từ khi về chung sống với nhau anh N và chị T sống hạnh phúc được một thời gian đầu. Khoảng vài năm gần đây, giữa anh N và chị T thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh N không bao giờ đánh chị T. Quan điểm của anh N hiện nay là muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, không muốn ly hôn. Về con chung: Anh N cũng có nguyện vọng sau khi ly hôn, anh được nuôi cháu L, cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị T và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo phiên hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, anh N đã biết được việc Tòa án giải quyết vụ án nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh N không có mặt tại Tòa án để làm việc. Kết quả xác minh của Tòa án, xác định: Anh Lừ Văn N có nơi cư trú tại bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh Lừ Văn N thường xuyên đi làm xa, không rõ địa chỉ ở đâu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; của người tham gia tố tụng: Thẩm phán tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn đã

thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có lý do vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị T, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lừ Văn N. Về con chung: Giao cháu Lừ Thị Hương L và cháu Lừ Bảo H cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lừ Văn N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh Lừ Văn N. Anh N có địa chỉ nơi cư trú tại bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lừ Văn N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh N sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị T và gia đình hai bên vợ chồng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh N nữa. Anh N không muốn ly hôn với chị T nhưng anh N không có giải pháp nào hay hành động cụ thể nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Giữa chị T và anh N không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải nhưng anh N vắng mặt tại phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Hội

đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Qua lời khai của các đương sự, chị T và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay các con chung của anh chị đều đang ở cùng với chị T. Anh N có nguyện vọng được nuôi con nhưng anh N không ở nhà để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Xét các điều kiện về sức khỏe, kinh tế, phẩm chất đạo đức, lối sống, chị T có khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con. Ý kiến của cháu L, cháu H đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, cần giao cháu L, cháu H cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản, chị T và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, các Điều 147, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lò Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lừ Văn N.

- Về con chung: Giao cháu cháu Lừ Thị Hương L, sinh ngày 22/4/2014 và cháu Lừ Bảo H, sinh ngày 11/9/2015 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lừ Văn N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lừ Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị Lò Thị T và anh Lừu Văn N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001229, ngày 27/6/2022, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Bản Lang (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh